

SỐ 1783

## KIM QUANG MINH KINH HUYỀN NGHĨA

*Đại sư Thiên Thai Trí Giả Đồi Tỳ giảng.  
Học trò là Quán Đảnh ghi chép*

### QUYỂN THƯỢNG

Kinh Kim Quang Minh này sâu xa vô lượng, hư không còn không thể dụ được sự cao xa rộng lớn của kinh này, huống gì là núi thấp biển nhỏ lẽ nào sánh được bờ mé của kinh. Mặt trời sáng chói trẻ thơ không thể nhìn được, thuyền lớn lâu gỗ đũa bé mới sinh làm sao giữ gìn nổi. Việc làm của các Đức Phật thanh tịnh hơn việc làm của các vị Bồ-tát, huống gì tâm niệm của hàng Nhị thừa làm sao suy nghĩ, nói năng cho được. Nếu phàm phu nói, thì tổn thương chỗ chân thật, còn nếu im lặng không nói, thì sẽ đánh mất, cả hai đều không được. Vì thế trong Đại phẩm, Phạm Chí nói: “Chẳng phải do quán bên trong mà chứng đắc là Bồ-đề, chẳng phải do quán bên ngoài mà chứng đắc là Bồ-đề, chẳng phải do quán vừa bên trong vừa bên ngoài mà chứng đắc là Bồ-đề”. Kinh dạy: “Đều không thể nói năng, suy nghĩ, lại đời đời không thể nói, sinh bất sinh không thể nói, bất sinh sinh không thể nói, bất sinh bất sinh không thể nói”, có nhân duyên thì có thể nói được. Lấy kim (vàng) làm “danh” gọi là đứng đầu trong các thứ báu; lấy pháp tánh làm “thể”, ý nghĩa trang nghiêm chỗ Như lai thường đi. Lại lấy công đức sâu xa mầu nhiệm của Bồ-tát làm “Tông”, lấy chiếu soi các vị trời sinh tâm vui mừng làm “Dụng”, do đó được gọi là “Kinh vương”, giáo lý thấu nhiếp các Kinh, cho nên chỉ quý ở “Danh”, chỉ có cùng cực làm “Thể”,

chỉ có sâu xa làm “Tông”, chỉ đại làm “Dụng”, chỉ vương làm “Giáo”. Vì thế thể của không hai thường là bốn, là pháp các Đức Phật, Thế Tôn giữ gìn, ba đời mười phương cũng giống như vậy, tất cả Bồ-tát khắp các phương khác từ xa lễ bái, Thiện nữ thân rơi lệ như mưa để khen ngợi, các vị trời dùng oai trời che chở, Thần đất đem đất tốt để thấm nhuần, mãi biện luận để thêm rõ đạo, làm công đức lợi ích bằng tài bảo các hữu đều héo khô, ba đường hết nóng bức. Tóm lại, tất cả việc không hề có ở thế gian thấy đều hiện ra, ấy là vì Kim Long Tôn Vương ba đời khen ngợi, Thần đất phát nguyện che chở người nói. Các bậc Thánh đã như vậy huống chi là loài người? Xin y theo nghĩa này, thường muốn nói lên, trông mong giòng nhỏ chảy vào biển, chim, thú trở về rừng, thật nhờ chút duyên, đều được gội nhuần.

Để giải thích kinh này được chia làm hai phần lớn:

1. Giải thích đề.
2. Giải thích văn.

#### **A. GIẢI THÍCH ĐỀ**

- Kinh chia làm năm phần:

1. Giải thích tên gọi.
2. Nói về thể.
3. Nói về Tông.
4. Nói về dụng:
5. Nói về giáo tướng.

- Y theo năm chương này chia làm hai phần:

1. Giải thích chung.
2. Giải thích riêng.

**I. Giải thích chung:** Chia làm hai:

1. Sinh khởi.
2. Phân biệt.

*1. Sinh khởi:* Cõi nước Ta-bà này dùng âm thanh làm Phật sự, có người ban đầu nghe thiện tri thức nghe nói về danh, hoặc nghe kinh sách nói về danh, do đó đặt danh, ở đầu nhờ nghe danh nên kế là biết về pháp thể, thể đã hiển bày, kế là thực hành, thực hành là Tông, tông thành tựu thì có năng lực, năng lực là dụng, dụng làm lợi ích chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh cho nên giáo hóa họ; nghe danh là bắt đầu tự thực hành, lập giáo là bắt đầu giáo hóa người, có đầu có cuối, chỉ có bậc Thánh. Năm chương sinh khởi theo thứ lớp như thế.

*2. Phân biệt:* Giản là phân biệt.

Hỏi: Nếu lược thì chỉ có một, nếu rộng thì vô lượng, ở đây năm

chương này, tiến không phải rộng, lùi không phải lược, vì sao lại chia làm năm?

Đáp: Chẳng phải lược, chẳng phải rộng, chẳng phải lược cho nên không phải một, chẳng phải rộng cho nên không phải nhiều, rộng thì khiến trí lùi, lược thì nghĩa không khắp. Nay tôi ở khoảng giữa nói nghĩa này cho dễ hiểu. Trong năm chương nghĩa kia sẽ như vậy. Biệt: là phân biệt.

Chương đầu tiên, gồm ba chữ, hợp chung làm “danh” (tên), ba chương kế “chia” ba chữ để làm “biệt”, chương cuối cùng gồm cả chung lẫn riêng, để nói về giáo tướng. Lại chương Hiến Thể, là nói về lý, bốn chương còn lại nói về Sự. Lại ba chương trước là nhân, hai chương sau là quả. Bốn chương trước là hạnh, chương sau cùng là giáo, bốn chương trước là hạnh tự lợi, chương sau cùng là hạnh lợi tha. Bốn chương trước là sự im lặng của bậc Thánh, chương sau cùng là bậc Thánh nói pháp. Các thứ sơ lược phân biệt như vậy, nay ở trong đó nêu lên thí dụ, tất cả rõ ràng đầy đủ. Ví như trong cái túi có vật quý không chỉ cho người thì người không biết được, ở đây đều vì làm cho rõ ràng nên thí dụ. Trong túi có vật báu là cả ba chữ làm thí dụ, chỉ bày cho người là riêng ba chữ làm thí dụ trong túi có vật báu là một chương nói về lý làm ví dụ. Chỉ cho người là chương nói về sự, làm ví dụ. Các chương khác theo đó có thể biết.

**II. Giải thích riêng:** là giải thích riêng năm chương.

Nay trước là giải thích tên chương. Nếu y theo tựa đề của quyển bốn, thì chỉ viết ba chữ, không có hai chữ “đế vương”, hoặc y theo văn kinh thì có nghĩa là “kinh vương”, hoặc nói, hoặc không nói đều không ngại gì. Nay giải thích tên gọi chia làm năm phần:

1. Chung riêng.
2. Phiên dịch.
3. Thí dụ.
4. Giải thích theo văn.
5. Giải thích đương thể.

**1. Nói chung riêng:** Giáo có chung riêng, nương theo giáo để rõ hạnh, hạnh có chung riêng. Từ hạnh bày lý, lý có chung riêng, tạm xếp vào hạnh lý.

Nhưng nói giáo chung riêng: Lý vốn không có danh tự, danh tự để gọi lý, như hư không chẳng có thước đo, thước đo ước lượng hư không. Kinh Thiên Vương Bát-nhã chép: Tổng trì không văn tự, văn tự nói lên tổng trì, nếu từ văn tự có công năng hiển bày, thì gọi là “chung”, nêu lý

do có thể hiển bày, thì gọi là “riêng”.

Thế nào gọi là chung?

Như lời Phật dạy: Một bộ kinh, một thời gian, một nơi chốn một bộ phận, một bài kệ, một câu văn, một lời nói, đều gọi là văn tự, từ văn tự này mà gọi chung là kinh.

Vì sao gọi là riêng?

Riêng lại có bốn: Một là khiến chân lý ở đời không lộn xộn, tâm được vui mừng; Hai là giáo hóa hợp cơ, khai phát việc lành đời trước; Ba là đối với nghiệp chướng, khiến ác dứt, tội trừ; Bốn là dạy bảo đạo lý, rỗng rang diệu ngộ, sự vui thích ứng với chỗ chứng ngộ, mỗi nguyên nhân lại không đồng nhau, cho nên gọi là riêng. Vì như muối và ô mai hòa nhau thì thành các thứ mùi vị. Tổ chức giao nhau thì thành các thứ văn chương bóng bẩy. Từ lý do “riêng” cho nên có ba chữ “Kim Quang Minh” nêu giáo này khác với các giáo. Từ Lời văn chung cho nên có một chữ “Kinh” để gọi chung các kinh. Kinh này chung, riêng hợp nêu, nên nói là “Kinh Kim Quang Minh”.

**2. Phiên dịch:** Tam tạng Chân-đế nói: Tiếng Phạm nói đủ, thì nên nói: “Tu-bạt-noa bà-phả-bà uất-đa-ma nhân-đà-la già-duyệt-na Tu-đa-la”.

Tu-bạt-noa, Hán dịch là Kim.

Bà-phả-bà, Hán dịch là Quang.

Uất-đa-ma, Hán dịch là Minh.

Nhân-đà-la, Hán dịch là Đế.

Già-duyệt-na, Hán dịch là Vương.

Tu-đa-la, Hán dịch là Kinh, tiếng nước ngoài còn gọi là Phật-đà-la, trong đây không có.

Lại lược bỏ hai chữ “Đế Vương”, chỉ còn ba chữ. Người Hán muốn dịch lược nên bỏ bớt, chỉ dịch là Kim Quang Minh Kinh vậy. Các Sư khác dịch không bằng, ở đây bao gồm tất cả.

**3. Thí dụ:** Các nhà dịch kinh xưa, dụ ba chữ với ba đức, “Vàng” dụ cho “Pháp thân”, “Ánh sáng” dụ cho “Bát-nhã”, “sáng” dụ cho “Giải thoát”. Như Đại sư nói: Số luận chỉ nói Chân thân và Ứng thân, nếu dùng hai giải thích ba thì đối với luận không tiện, nếu dùng văn kinh, văn kinh một chỗ không làm sáng tỏ ba đức, nếu giải thích theo nghĩa riêng thì nghĩa nào lại không thông. Mà chỉ dụ riêng ba đức, thì trái với luận thuyết của mình, lại không hiểu kinh, ở đây chẳng dùng.

Địa Nhân chép: trên chất vàng tự có công năng chói sáng, dụ cho pháp tánh từ thể khởi dụng, tự có năng lực Bát-nhã giải thoát, chỉ giải

thích hai nghĩa thể-dụng không cần phân biệt sự khác nhau giữa Quang và Minh. Như Đại sư nói: Địa luận nói về Tam Phật, giải thích đề Tam Phật đối với nghĩa tự tiện, mà bỏ ba thân theo thể, dụng, thì chẳng phải ý luận. Nếu lấy văn kinh hai bản thân, cứ đều nói ba thân, không nói thể, dụng, cũng trái với luận thuyết của mình, lại không hiểu kinh, biết tiến hay lùi, nay không dùng. Tam Tạng Chân-đế nói: Ba chữ dụ cho ba thứ ba pháp: a. Dụ cho ba thân; b. Dụ cho ba đức; c. Dụ cho ba vị.

a) Dụ cho ba thân: Thể chân thật của “Vàng” được dụ cho “pháp thân”. Dụng có công năng soi chiếu của “Ánh sáng” được dụ cho “Ứng thân”. “Sáng” có công năng khắp lợi ích được dụ cho “Hóa thân”.

b) Dụ cho ba đức: “Vàng” có bốn nghĩa: Một là màu sắc không thay đổi; Hai là Thể không nhiễm; Ba là làm đồ vật khác không chướng ngại; Bốn là giúp cho người được giàu sang; Kim dụ cho bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh của pháp thân. “Ánh sáng” có hai nghĩa: Một là có công năng chiếu sáng; Hai là có công năng xua tan bóng tối, dụ cho trí tuệ (Bát-nhã) soi chiếu trần cảnh, dứt trừ lậu hoặc. “Sáng” có hai nghĩa: Một là không tối tăm; Hai là rộng xa, dụ cho giải thoát, các ràng buộc không còn, lợi ích khắp những người có duyên.

c) Dụ cho ba vị: Tánh “Vàng” có trước, như giai vị chánh nhân ở đạo tiền; Quang dung thể hiển như giai vị liễu nhân ở đạo trung, “sáng” không vết bản, như giai vị duyên nhân ở đạo hậu. Sư Chân-đế phân biệt rằng: Pháp thân là thật hai thân không thật; pháp thân đầy đủ bốn đức: Bát-nhã, và giải thoát, đều có hai đức. Chánh nhân vốn có, liễu nhân hiện có, duyên nhân sẽ có. Đại sư giải thích nghĩa ba ba. Nghĩa ba bất liễu: Một là nhân quả không thông suốt; Hai là Trái với Viên, Biệt; Ba là không xứng pháp tánh.

### *1. Thế nào là nhân quả không thông suốt?*

Thế nào gọi là nhân quả không thông suốt? Ba thân ba đức vốn là tên gọi viên mãn về mặt quả mà nay chia ra ba đức thiếu sót không đủ, vì sao?

- Nếu pháp thân là đạo tiền, thì đó là pháp thân về mặt quả, là pháp thân của tánh đức. Nếu là pháp thân về mặt quả thì lẽ ra không nên ở đạo tiền. Nếu pháp thân của tánh đức thì tánh đức đâu chỉ có pháp thân; lẽ ra cũng có Bát-nhã của tánh đức, giải thoát của tánh đức v.v... Nếu nói Bát-nhã là Đạo trung, thì đó là Bát-nhã gì? Nếu là Bát-nhã là Bát-nhã của quả thượng thì lẽ ra không ở Đạo trung. Nếu Bát-nhã phần đắc, thì vì sao không có pháp thân phần đắc, giải thoát phần đắc. Nếu giải thoát ở đạo hậu, thì ở Đạo hậu có rất nhiều các điều lành, đâu chỉ

có giải thoát, từ đó mà xét, nhân quả không thông.

### 2. Bốn đức của Niết-bàn:

Trái với Viên, Biệt: Nếu nói theo Viên thì bốn đức Thường, lạc, ngã, tịnh của pháp thân, việc này có thể tự biết... Bát-nhã và pháp thân thâm hợp nhau, pháp thân đã đủ bốn đức, chẳng lẽ Bát-nhã không có bốn đức sao? Giải thoát là thoát khỏi sự trói buộc của quả cho nên “lạc”, thoát khỏi sự trói buộc của nhân cho nên “tịnh”, không bị sự trói buộc của nhân, của quả cho nên “ngã”, chẳng phải nhân chẳng phải quả cho nên “thường”. Nói Viên là tròn đầy, không có thiếu sót. Ngài Chân-đế, cho rằng nếu nói theo Biệt thì nên nương theo kinh này. Kinh chép: Pháp thân là thường, là thật, thật tức là “đức của ngã”, Ứng thân trí tuệ thanh tịnh là “đức của tịnh”, Hóa thân Tam-muội thanh tịnh là “đức của lạc”. Tam tạng nói chỉ có pháp thân có đủ bốn đức còn ứng thân, hóa thân mỗi thân chỉ có hai đức, vì thế trái với Viên biệt.

### 3. Dẫn kinh chứng minh:

Không xứng pháp tánh: lại dẫn một kinh như kinh Tịnh Danh chép: chúng sinh như, Di-lặc như, một như không hai như, đây là pháp thân của tánh đức. Tất cả chúng sinh là tướng Bồ-đề, không còn “đặc” nữa, đây là Bát-nhã của tánh đức. Tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn, không còn diệt nữa, đây là giải thoát của tánh đức. Ba nghĩa này chẳng lẽ không phải vốn có giai vị đạo tiền, có riêng “Vàng” mà không có “Ánh sáng” hay sao? Lại kinh Hoa nghiêm chép: Khi vừa phát tâm liền thành Chánh giác, tất cả tuệ thân không do người mà ngộ, thân pháp mầu thân thanh tịnh vắng lặng ứng với tất cả. Thân pháp Diệu là Pháp thân đức, tuệ thân là đức Bát-nhã, ứng với tất cả tức Ứng thân là đức Giải thoát. Ba thân này, mỗi địa càng tăng, như trăng tròn dần, chẳng lẽ không phải giai vị trong nhân của Đạo Thi, đâu thể trong nhân chỉ có Bát-nhã thôi ư? Đạo hậu đầy đủ ba đức như trên đã nói, điều này rất dễ hiểu, nên biết Đạo tiền đầy đủ Tánh đức, Đạo trung đầy đủ Phần đức, đạo hậu đầy đủ Cứu cánh đức, cho nên tự nhiên phân cắt một chỗ, chỉ một ư? Chẳng lẽ không phải ép buộc linh phụng ở hang tu hú, rỗng thân vào trong hang thỏ, làm xấu hổ sức mạnh của rỗng, phụng, chẳng phải là cách bàn luận tròn đầy về pháp tánh, Đại sư Thiên Thai suy tìm ý nghĩa kinh ấy thì thấy là không đúng. Vì sao kinh nói: Pháp tánh vô lượng, lý sâu xa đều tóm thâu; Văn gọi là “Kinh vương” thì chỗ nào không nhiếp, đâu phải chỉ ba ba chín pháp? Nên biết ba chữ, dụ cho tất cả pháp môn ngang (hoành), là thuyết xứng pháp tánh vô lượng, dụ cho tất cả pháp môn dọc (thụ) là xứng với ý chỉ của pháp tánh sâu xa, mới

hợp với Kinh vương, tóm thâu tất cả, hoặc quảng giáo hoặc trường giáo, đều tóm thâu tất cả. Nghĩa lý sâu rộng này không thể dùng nói rằng, suy nghĩ; Lại, nương vào mười thứ ba pháp để làm môn, đầu lại vì ba ý: 1. Nêu mười số; 2. Giải thích mười tướng; 3. Sơ lược mười pháp.

4. *Nói về mười số:*

- Nêu mười số: là ba đức, ba ngôi báu, ba Niết-bàn, ba thân, ba Đại thừa, ba Bồ-đề, ba Bát-nhã, ba Phật tánh, ba thức và ba đạo, mười pháp này bao gồm từ đầu đến cuối, nay làm sinh khởi hai lần nghịch thuận:

a) Từ gốc “Vô trú” lập tất cả pháp. Xét ba đức: gọi là kho bí mật, kho bí mật hiển bày từ ba ngôi báu, ba ngôi báu từ ba Niết-bàn, ba Niết-bàn từ ba Thân, ba thân từ ba Đại thừa, ba Đại thừa từ ba Bồ-đề, ba Bồ-đề từ ba Bát-nhã, ba Bát-nhã từ ba Phật tánh, ba Phật tánh từ ba thức, ba thức từ ba đạo: đây là từ pháp tánh mà lập tất cả pháp.

b) Nếu từ Vô minh làm gốc lập tất cả các pháp thì, tất cả chúng sinh đều có đủ mười hai nhân duyên, ba đường mê hoặc, hoặc lại sinh hiểu biết, tức là thành ba thức, từ thức lập nhân liền thành ba Phật tánh, từ nhân khởi trí tức thành ba Bát-nhã, từ trí khởi hạnh thì thành ba Bồ-đề, từ hạnh tiến lên thì thành ba Đại thừa, thừa rõ trí-đức thì thành ba thân, thân rõ đoạn-đức liền thành ba Niết-bàn, Niết-bàn rõ ân-đức, lợi ích chúng sinh thì thành ba ngôi báu, rốt ráo vắng lặng hòa nhập với ba đức, tức thành kho bí mật. Đó là nghĩa sâu xa vô lượng, thuận nghịch theo thứ lớp.

Thế nào là Vô lượng nghĩa? Vì một pháp môn đầy đủ chín pháp môn. Ba đức tôn trọng tức là ba ngôi báu, ba đức không sinh không diệt tức là ba Niết-bàn, ba đức đầy đủ các pháp nhóm hợp gọi là ba thân, chuyên chở gánh vác tức là ba Đại thừa, không hưởng về nơi khác gọi là ba Bồ-đề, hiểu biết thanh tịnh gọi là ba Bát-nhã, hạt giống Như lai gọi là ba Phật tánh, phân biệt những thứ ấy không sai lầm gọi là ba Thức, từ ngay nơi Sự thông Lý nên gọi là ba đạo; là một thứ ba pháp môn đầy đủ chín thứ ba pháp môn, cũng là đầy đủ tất cả ba pháp môn. So sánh rất dễ hiểu. Lại, đều đầy đủ tất cả một pháp môn, tất cả hai pháp môn, ba pháp môn, bốn pháp môn, năm pháp môn, chín pháp môn, mười pháp môn, trăm pháp môn, ngàn pháp môn, muôn pháp môn, ức pháp môn, một Hằng hà sa (số cát một sông Hằng), hai Hằng sa, trăm, ngàn, muôn, ức Hằng sa pháp môn, cũng có thể biết. Kinh dạy: Một pháp môn lấy vô lượng pháp môn làm quyến thuộc; trong một hiểu vô lượng, đó là nghĩa pháp tánh rộng lớn vô lượng.

### 5. Nói về nghĩa sâu xa:

- Nghĩa sâu xa: Nương vào ba giai vị để hiển bày, nếu nói về mười pháp môn thì ba đạo, ba thức là giai vị Bản hữu, ba đức ba ngôi báu là giai vị Đương hữu, các thứ ba khác là giai vị Hiện hữu; đó là pháp tánh sâu xa, nghĩa dọc cao cũng thành tựu. Lại một pháp môn đầy đủ chín pháp môn, lấy ba đạo ba thức kia làm giai vị Bản hữu, lấy ba đức, ba ngôi báu làm giai vị Đương hữu, lấy các thứ ba khác làm giai vị Hiện hữu, nghĩa sâu xa cũng thành. Lại mỗi pháp môn đều có giai vị sáu tức; về Lý là giai vị bản hữu, rốt ráo tức là giai vị đương hữu, các thứ tức khác là giai vị hiện hữu; nghĩa sâu xa cũng thành, đó là nghĩa pháp tánh dọc cao sâu xa. Phải biết ba chữ “Kim Quang Minh”, dụ cho tất cả pháp môn theo chiều ngang nên nói là Vô lượng; dụ cho tất cả pháp môn theo chiều dọc nên nói là sâu xa, mới xứng với văn của Pháp tánh, mới hợp với ý chỉ của Kinh vương.

- Giải thích:

- Giải thích tướng của mười thứ ba pháp:

Mười tên gọi như trước đã nêu, về mười tướng, ở đây sẽ giải thích, nếu giải thích theo sắc tướng xanh, vàng, đồng, khác, thì nên dùng mắt thường. Nếu phân biệt pháp tướng sâu, cạn, đồng khác, thì nên dùng mắt trí tuệ, nên dùng tín giải để phân biệt tướng đồng khác.

a. Giải thích ba đức:

Trước là nói về tướng ba đức: Thế nào nói ba? Thế nào là đức? Pháp thân, Bát-nhã, giải thoát là “ba”. Thường, lạc, ngã, tịnh là “đức”. Pháp: được gọi là quý (khuôn phép), các Đức Phật từ quý ấy mà được thành Phật. Vì thế kinh chép: “Thầy các Đức Phật là pháp, thân nghĩa là chứa nhóm”. Một pháp đầy đủ tất cả pháp, không có thiếu, sót nên gọi là “Thân”. Kinh chép: “Thân ta tức là tri thức chân thật của tất cả chúng sinh”, phải biết thân là chứa nhóm.

Bát-nhã: Hiểu rõ các pháp nhóm họp, tan rã, không nhóm họp, không tan rã, tức là hiểu rõ pháp ba đế.

Giải thoát: Đối với các pháp không nhiễm, không dính mắc gọi là giải thoát.

b. Giải thích thế nào là đức:

Thế nào là “Đức”: Mỗi pháp đều có đủ thường, lạc, ngã, tịnh, gọi là “đức”. Pháp thân không bị hai tử là “thường”, không chấp hai bên là “lạc”, có đủ tám tự tại là “ngã”, ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh là “tịnh”. Theo thế gian lấy vàng làm thí dụ: không thay đổi, không nhiễm, chuyển đổi, sự giàu sang dụ cho bốn đức của Pháp thân. Bát-nhã



nhậm vận đầy đủ bốn đức, Như trí thâm hợp Như cảnh. Đại phẩm nói: Sắc tịnh cho nên Bát-nhã thanh tịnh, so sánh theo đây thì các nghĩa sắc thường, sắc lạc, sắc ngã, đều thành. Lại nói: Sắc lớn cho nên Bát-nhã lớn, sắc vô biên cho nên Bát-nhã cũng vô biên. Đây là pháp tánh rộng lớn nên Bát-nhã cũng rộng lớn. So sánh theo đây thì nên chép: sắc sâu kín cho nên Bát-nhã cũng sâu kín, đây là pháp tánh dọc cao, Bát-nhã cũng dọc cao, phải biết rằng Bát-nhã cũng có đủ bốn đức, giải thoát cũng có bốn đức.

Nói về Giải thoát: Các điều ác dứt hẳn thì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh cũng đều dứt hết, cũng là các điều lành nhóm họp đầy đủ, thì thường lạc ngã tịnh cũng nhóm họp đầy đủ. Đại kinh chép: “giải thoát Chân thật tức là Như lai, Như lai tức là pháp thân”, nên biết giải thoát đồng với thường, lạc, ngã, tịnh của Như lai. Đại kinh chép: “Ba điểm có đủ gọi là Đại Niết-bàn, điểm là văn tự, nên biết pháp thân, Bát-nhã, giải thoát đều là văn tự.” Cho nên biết rằng, ba điểm đều có đủ Bốn đức nên nói là đầy đủ. Ba nhân tức là ba trí, ba trí đức đều đầy đủ bốn đức. Ba đức đầy đủ gọi là kho bí mật. Văn đầy đủ phải là có đủ bốn đức. Nên biết bốn đức đầy đủ tức là tướng ấy. Nếu hiểu được ý chương này, thì chín chương còn lại sẽ hiểu.

#### 6. Nói về ba ngôi báu:

Thế nào là “Ba”, thế nào là “ngôi báu”? Phật, Pháp, Tăng gọi là Ba, đáng tôn kính đáng quý trọng gọi là ngôi báu. Chí lý đáng tôn trọng gọi là Pháp-Bảo. Trí hiểu lý đáng tôn kính gọi là Phật-Bảo. Tỳ-lô-già-na trùm khắp tất cả mọi nơi, ngay nơi sự là lý, sự hòa hợp này đáng tôn trọng gọi là Tăng-Bảo. Ba ngôi báu này đều thường, lạc, ngã, tịnh, vì thường, lạc, ngã, tịnh nên mới đáng tôn đáng trọng. Nên biết ba đức và ba ngôi báu không hai không khác. Đã dụ “Kim Quang Minh” với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh với ba ngôi báu.

#### 7. Thế nào là ba:

Ba Niết-bàn: Thế nào là ba? Thế nào là Niết-bàn? Tánh tịnh, Viên tịnh, Phương tiện tịnh là ba, không sinh không diệt là Niết-bàn. Thật tướng các pháp không thể làm cho nhiễm, không thể làm cho thanh tịnh, không tịnh tức là không sinh, không nhiễm tức là không diệt, không sinh không diệt gọi là “Niết-bàn tánh tịnh”. Tu nhân khế lý, hoặc rốt ráo không sinh, “trí” rốt ráo bất diệt, bất sinh bất diệt gọi là “Viên tịnh Niết-bàn”. Tịch mà thường chiếu, có cảm liền sinh, sinh này không sinh, duyên tan liền diệt, diệt này bất diệt, không sinh không diệt gọi là “phương tiện tịnh Niết-bàn”. Nên biết ba Niết-bàn này, bất sinh bất

diệt tức là thường, thường nên gọi là lạc, lạc nên gọi là ngã, ngã nên gọi là tịnh. Niết-bàn đã là thường, lạc, ngã, tịnh là ba đức đáng tôn trọng, tức là ba ngôi báu, không hai không khác. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, ba ngôi báu, lại dụ Kim Quang Minh với ba Niết-bàn.

*8. Nói về ba thân:*

Ba thân: Thế nào là ba? Thế nào là thân? Pháp, báo, ứng là ba. Ba thứ pháp nhóm họp lại gọi là Thân. Cái gọi là lý pháp tụ là Pháp thân; trí pháp tụ gọi là Báo thân, Công đức pháp tụ là Ứng thân, nhưng lý không có nghĩa tụ, tán, mà nói là tụ tán; bắt đầu từ sơ tâm hiện ra chánh lý cho đến rốt ráo lý tụ mới tròn đầy. Bắt đầu từ sơ tâm cuối cùng đến rốt ráo, trí hiển lý trí tụ mới tròn đầy. Bắt đầu từ sơ tâm cuối cùng đến rốt ráo nhóm công đức mới tròn đầy, nên ba pháp tụ là ba thân. Phải biết ba thân là thường, lạc, ngã, tịnh, tức là ba đức, đáng tôn trọng là ba ngôi báu, bất sinh bất diệt là ba Niết-bàn, không hai không khác. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức... lại dụ Kim Quang Minh với ba thân.

*9. Nói về Ba Đại thừa:*

Thế nào là ba Đại thừa? Chuyên chở gọi là Thừa; Lý tánh rộng rang nhậm vận gánh vác các pháp, nên gọi “lý thừa”. Tùy thừa là trí theo cảnh như nắp theo hộp, nên gọi là “Tùy thừa”. Đắc thừa là đắc quả đắc cơ, vì đắc quả cho nên tự được giải thoát, đắc cơ cho nên giúp cho người giải thoát, nên gọi là đắc thừa. Nên biết ba thừa đều thường, lạc, ngã, tịnh, tức là không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh với ba Đại thừa.

*10. Nói về ba Bồ-đề:*

Thế nào gọi là ba Bồ-đề: 1 Bồ-đề Chân tánh gọi là Vô thượng Bồ-đề, Bồ-đề này lấy lý làm đạo; 2. Thật trí Bồ-đề gọi là Thanh tịnh Bồ-đề, Bồ-đề này lấy trí tuệ làm đạo; 3. Bồ-đề Phương tiện gọi là rốt ráo Bồ-đề, Bồ-đề này dùng sự khéo léo giúp người hiểu biết làm đạo. Nên biết ba Bồ-đề đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh với cho ba Bồ-đề.

*11. Nói về ba Niết-bàn:*

Thế nào là ba Bát-nhã? Bát-nhã là trí tuệ. Bát-nhã Thật tướng chẳng phải vắng lặng, chẳng phải chiếu soi, tức là “trí Nhất thiết chủng”. Bát-nhã Quán chiếu, không chiếu soi mà chiếu soi tức là “trí Nhất thiết”. Bát-nhã Phương tiện, không vắng lặng mà vắng lặng, tức là “trí Đạo chủng”. Nên biết ba Bát-nhã đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ

Kim Quang Minh với Bát-nhã.

*12. Nói về ba Phật tánh:*

Thế nào là ba Phật tánh? Phật là giác; Tánh là không thay đổi, không đổi tức là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, ví như quặng vàng trong lòng đất, thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được, gọi là “Phật - tánh Chánh nhân”. Phật tánh Liễu nhân là Giác trí chẳng phải thường chẳng phải vô thường, trí và lý tương ứng, ví như người khéo biết quặng vàng, trí này không thể phá hoại nên gọi là “Liễu Nhân Phật tánh”. Phật tánh Duyên nhân: Tất cả chẳng phải thường chẳng phải vô thường, công đức gốc lành giúp cho giác trí, mở bày Chánh tánh, ví như đào bỏ cỏ dơ đào đất ra lấy ra quặng vàng gọi là “Phật tánh Duyên nhân”. Nên biết ba Phật tánh mỗi Phật tánh đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ ba chữ Kim Quang Minh với ba Phật tánh.

*13. Nói về ba thức:*

Thế nào là ba thức? Thức là (hiểu biết), là tên khác của trí tuệ. Thức Am-ma-la là thức bất động thứ chín, nếu phân biệt thì đó là thức của các Đức Phật. Thức A-lê-da là thức vô một thứ tám, nó còn có tùy miên phiền não hợp với Vô minh. Phân biệt riêng ra là thức của Bồ-tát. Đại Luận nói “Ở tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã”, chính là nghĩa ấy. Thức A-đà-na là thức phân biệt thứ bảy, nhằm chán sinh tử, ưa thích Niết-bàn, phân biệt riêng ra là thức của Nhị thừa, đối với các Đức Phật là trí phương tiện. Sóng mờ là thức thứ sáu của Phạm phu, không cần nói thêm. Nên biết ba thức mỗi thức đều thường, lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ ba đức với Kim Quang Minh, lại dụ Kim Quang Minh với ba thức.

*14. Nói về ba đạo:*

Thế nào là ba đạo? Vô minh quá khứ, ái và thủ hiện tại, ba chi ấy gọi là “phiền não đạo”. Hành quá khứ, hữu hiện tại, hai chi này là “nghiệp đạo”. Thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ ở hiện tại, sinh, già chết ở tương lai, bảy chi ấy gọi là “khổ đạo”. Ba đạo này lại có lẫn nhau. Từ “phiền não” có cả “nghiệp”, từ “nghiệp” có cả “khổ”, từ “khổ” trở lại có cả “phiền não”, cho nên gọi là “Ba Đạo”. Khổ đạo gồm có danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, thức. Đại kinh chép: Vô minh và ái là hai thứ trung gian, gọi là Phật tánh; trung gian là “khổ đạo”. Phật tánh: thân sinh tử gọi là pháp thân, như chỉ băng cho là nước. Phiền não đạo: gồm có Vô minh, ái, thủ gọi đó là Bát-nhã, như chỉ củi cho là lửa. Nghiệp đạo: nghĩa là hành hữu, cho đến năm Vô gián, đều là sự giải

thoát, như chỉ trời buộc cho là mở. Nên biết thể của ba đạo tức là chân thường; lạc, ngã, tịnh, không hai không khác với ba đức. Đã dụ Kim Quang Minh với ba đức, lại dụ Kim Quang Minh dụ cho ba đạo.

Nếu thấy mười pháp môn này, hoặc đồng hoặc khác cũng là một pháp môn, là tướng của tất cả pháp môn, hoặc đồng hoặc khác, từng tướng rõ ràng, tức trăm pháp, ngàn pháp, muôn pháp, hằng cũng giống như số cát sông. Kinh Hoa Nghiêm chép: một pháp môn có Vô lượng pháp môn làm quyến thuộc, viên Hòa hương trong kinh Thủ lăng nghiêm, viên ngọc trong Đại phẩm, đều từ đất sinh ra của kinh Pháp Hoa, tắm nước biển lớn trong kinh Niết-bàn đều là nghĩa này.

#### 15. Hỏi đáp về Pháp:

Hỏi: Nếu một pháp tức là các pháp, thì chỉ nói một pháp đâu cần nói pháp khác?

Đáp: Đức Phật vì muốn làm vui lòng tất cả mọi người, muốn cho thích hợp với tất cả mọi người, muốn ứng cơ với tất cả mọi người, muốn giác ngộ tất cả mọi người; nếu nói rộng sẽ được nhiều lợi ích, nói một cũng làm cho phát sinh các thứ hiểu biết, đọc tất cả các luận khác, liên biết được ý của bậc có trí, vì thế nói Nhiều cách giúp hiểu được tất cả. Lời thô và lời nhẹ, đều trở về nghĩa bậc nhất, đều chỉ bày cho người, không trái với tránh pháp, tức là nghĩa này.

#### 16. Phân biệt các pháp:

Phân biệt: Trước là nói sơ lược ba đức, như chỉ thể tướng tốt của Thái tử là pháp thân, pháp thân ở trước; khi ở dưới Thọ Vương hiểu ba mươi bốn tâm tuệ vô lậu là Bát-nhã, Bát-nhã ở giữa, tám mươi tuổi diệt độ thiêu thân không thọ thân sau là giải thoát, giải thoát ở sau, khác mà lại là dục. Khi là Pháp thân thì không phải là Bát-nhã, khi là Bát-nhã thì không phải là giải thoát, khi là Giải thoát thì không phải Bát-nhã, Pháp thân. Đây tức là tên gọi khác của ba pháp, đây chính là chỗ sử dụng của các nhà Tam tạng A-hàm. Ba ý này đều không được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Như chỉ cho không cảnh là pháp thân, pháp thân là vốn có; Tuệ soi chiếu chân thật là Bát-nhã, Bát-nhã là hiện có, hai thứ trời buộc về hạt và quả đều là giải thoát, giải thoát là sẽ có, khác mà cùng là một dục, đây là thuyết của ba thừa thông giáo. Được người tìm hiểu Đại thừa đời trước sử dụng cũng không được gọi thường, lạc, ngã, tịnh. Như ngài Chân-đế nói: pháp thân có đủ bốn đức, giải thoát và Bát-nhã mỗi thứ có hai đức, đây là ngang mà lại khác, được người biệt - giáo sử dụng, nhưng Sư Chân-đế chỉ dùng một phần. Nên biết pháp thân được gọi là đức, Bát-nhã và giải thoát không có đức để gọi, không hiểu được

sự cao rộng vô lượng sâu xa, cũng không được gọi là Kinh Vương. Nay sẽ nói về ba đức như trên đã nói, mỗi đức đều đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh, luận về rộng thì vô lượng, nói về cao thì sâu xa. Như các người học nghe các Kinh Vương, được bốn Phật che chở, không hiểu ý này, thì như trâu, dê, mất tâm không đáng luận đạo.

*a. Phân biệt ba ngôi báu:*

Phân biệt ba ngôi báu: Như ở dưới cội Thọ vương (cội Bồ-đề) đấng đạo là Phật bảo, xoay bánh xe pháp Bốn đế sinh diệt là Pháp bảo, độ năm anh em Kiều-trần-như... trước được mắt trí sáng tỏ là Tăng bảo. Ba ngôi báu từ xưa đến nay, có tướng theo với ba ngôi báu, điều này trong A-hàm gọi là Giai thể Tam bảo, cũng được tông số luận sử dụng. Như ở dưới cội thọ vương đấng đạo là Phật bảo, xoay bánh xe pháp Tứ đế vô trú là Pháp bảo, Nhị thừa, Bồ-tát tu vô lậu chân thật, dứt bỏ kiết sử, thành thánh lý hòa là Tăng bảo, điều này trong ba thừa Thông giáo, rất được người Đại thừa sử dụng. Hai loại Ba ngôi báu này, đều không có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu ở thế giới Hoa vương ngồi đài hoa sen thành đạo là Phật bảo; nói ra hàng sa pháp Phật, Vô lượng tứ đế là Pháp bảo, bốn mươi một bậc Hiền thánh là Tăng bảo việc này thì khác trước, tuy không phải bậc thang, chưa phải đồng thể, nhưng cũng không thể dụ Kim Quang Minh với ba đức.

*b. Phân biệt ba loại Niết-bàn:*

Phân biệt ba loại Niết-bàn: Như đói được ăn, bệnh được giảm, ở tù được ra ngục, con khỉ được uống rượu, Bà-la-môn Chiên-già ăn no chỉ vào bụng, đều là người đời vui lòng cho rằng Niết-bàn. Nếu cho định phi tưởng, trời vô tướng là Niết-bàn, đây là tà kiến nói bữa là Niết-bàn. Nếu người nặng về tham dục được quán Bất tịnh là Niết-bàn, đây chính là người thực hành bốn gốc lành phương tiện Niết-bàn. Nếu phiền não trong ba cõi hết, chứng “Niết-bàn Hữu dư”, đốt thân nguội trí, nhập “Niết-bàn Vô dư”, Bồ-tát chưa đấng Niết-bàn này. Đây là Niết-bàn của Nhị thừa tích pháp trong kinh A-hàm. Nếu hàng ba thừa đồng dứt sạch hai thứ trói buộc về hạt và quả, tức là Niết-bàn chung trong Thông giáo. Nếu chỉ trung đạo như lý là “tánh tịnh Niết-bàn”, trung đạo trí là “Viên tịnh Niết-bàn”; đồng duyên xuất thế, củi hết lửa tắt là “phương tiện Niết-bàn”; Ba thứ Niết-bàn ấy mỗi Niết-bàn khác nhau không có quan hệ với nhau, đó là Niết-bàn của “Biệt giáo”. Nếu nói chỉ có hai Niết-bàn là “tánh tịnh” và “phương tiện tịnh”, không nói duyên nhân Niết-bàn, mỗi Niết-bàn riêng biệt, không dung hội nhau thì đó là Biệt giáo, chẳng phải Niết-bàn được dụ trong kinh điển ngày nay.

Phân biệt ba thân: Hoặc cho Phật ở dưới cội Thọ Vương là “thân Chân thật”, thân thông biến hóa ra khỉ, vượn, nai, ngựa là ứng thân, không nói ba thân, đây là ý phân tích pháp của Tiểu thừa. Hoặc cho rằng ngay nơi Sự là “thân chân thật”, hóa dụng làm “ứng thân”, đây là ý trong pháp thể.

*17. Hỏi đáp về thân Phật dưới cội Bồ-đề:*

Hỏi: Nếu thế thì thân tượng sáu dưới cội cây Thọ Vương không phải Phật, lại không phải nai, ngựa, vậy là thân gì?

Đáp: Toàn thể đồng với thân người, thuộc về “ứng thân”, lại có cách giải thích khác: Chẳng hạn trong tâm Đại thừa, thì trí hợp với lý trung đạo là “pháp thân”, ở đây cũng như vậy, thể là hình người, tức là “chân không”, đây thuộc về “thân Chân thật”. Nếu theo ngài Chân-đế nói: pháp thân chân thật, hai thân không chân thật, thế thì thể tướng ba thân này đều khác nhau, chính là một con đường trong Biệt giáo, chẳng được ở đây dùng. Nếu nói ba thân đều là chân thật, chí lý là “pháp thân”, trí khế lý là “báo thân”, khởi dụng là “ứng thân”, ứng thân là Phật thật hóa hiện, là thật không luống dối. Đại kinh chép: Quán Bất tịnh vừa thật, vừa giả chẳng phải thật, từ bất tịnh mà khởi tướng bất tịnh ấy là luống dối, có công năng phá bỏ tâm tham đó là thật. Ứng thân lệ cũng giống như thế, chẳng phải bản thể cho nên luống dối, có khả năng làm lợi ích cho nên thật, nay theo bên thật không lấy bên giả, cho nên nói ba thân đều thật, được ở đây dùng. Hoặc lại luận đủ ba thân đều thật đều hư, đều vừa thật vừa hư, đều chẳng phải thật chẳng phải hư, đều y theo ba thân đồng thời có ra bốn trường hợp.

*18. Hỏi đáp về dụ cho thân:*

Hỏi: Ba chữ dụ cho ba thân, có dụ cho một thân, hai thân, bốn thân, không thân được chăng?

Đáp: Phật đi hóa duyên dùng kinh tên ba chữ, ngài Chân-đế dùng ba thân để giải thích, nếu hiểu được ý là có bốn, ba, hai, một nghĩa, vô nghĩa, cũng đâu có lỗi gì. Trong kinh ở dưới đều có văn ấy. Về bốn thân: Bản tân dịch chép: Thích-ca Mâu-ni có khả năng thị hiện các thứ: khai, xuất, ứng, hóa là bốn thân. Về ba thân trong phẩm Tam Thân Phân Biệt, chuyên nói về nghĩa ấy. Về hai thân: Pháp chân thật Phật giống như hư không, Ứng vật hiện hình như trăng dưới đáy nước. Về một thân: Bản tân dịch chép: Tất cả các Đức Phật lấy chân pháp làm thân. Về Vô thân: Chỗ nào Như lai đi qua đều thanh tịnh như hư không, lại đi vào thành lớn thiện tịch, trong hư không thì chẳng có số một, hai, đây là văn nói về “Vô thân”.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao Kim Quang Minh được dụ với bốn thân, hai thân, một thân, không thân?

Đáp: Nếu dùng danh nghĩa mà dụ thì đủ, thiếu do nghĩa. Nếu dụ cho bốn thân, thì trên Quang minh đó có vầng ánh lửa tròn, vẫn có chếp: kim quang sáng chói. Đây là văn dụ bốn thân. Nếu dụ cho ba thân, thì như chỗ sử dụng. Nếu dụ cho hai thân thì Kim là thể chánh, Quang Minh chỉ là công năng, lấy đó làm ví dụ. Nếu dụ một thân chỉ nêu vàng làm ví dụ chính, Quang Minh là cành ngọn chẳng phải chính để luận bàn. Nếu dụ cho vô thân thì vật báu quý giá nhất lấy vô tham làm “vàng”, bốn trí Dương chấn cũng lấy vô tham làm “vàng”. Ở đây dùng vật báu quý giá nhất ở đời dụ cho lý cao tột của xuất thế, để hiểu rõ văn, nghĩa.

*19. Phân biệt ba Đại thừa:*

Phân biệt ba Đại thừa: Nếu nói về Nhân duyên, lục độ, Đại thừa thì đây lại là ba người, tên khác nhưng nghĩa đồng. Nếu nói ba người đều dùng vô sinh dứt bỏ phiền não, ba người đồng nương nhất thừa, thì đây là Thừa của Thông giáo. Nếu lý tùy đắc ba thừa, thể tướng khác nhau không đồng, đó là Thừa của Biệt giáo; ba thứ đều đắc thì thuộc về thừa phương tiện. Trong kinh Chánh pháp hoa nói Tượng-thừa, cộng với ba là bốn, xe dê, nai, trâu đều thuộc về Thừa; Tượng thừa (xe voi) tức là lý thừa, như ba thừa ở đây nói. Kinh Hoa Nghiêm nói bốn thừa. Ba thừa cũng thuộc về Thừa; Phật thừa là nghĩa ba thừa ở đây nói.

*20. Phân biệt ba Bồ-đề:*

Phân biệt ba Bồ-đề: Kinh Thỉnh Quan Âm chếp: Tu ba thứ thanh tịnh ba tâm Bồ-đề, đây là duyên với tâm của người ba thừa mà tu tâm, là thuộc về phương tiện Bồ-đề. Nếu duyên chân như thật lý phát tâm Bồ-đề, hoặc duyên trí tuệ Như lai nói pháp phát tâm Bồ-đề, hoặc duyên thần thông biến hóa của Như lai mà phát tâm Bồ-đề cũng không được ở đây sử dụng. Kinh Văn-thù Vấn Bát-nhã chếp: Vô phát là phát tâm Bồ-đề. Lại nữa, nếu một phát tất cả phát là phát tâm Bồ-đề, lại nếu chẳng phải một chẳng phải tất cả, mà là một mà là tất cả là phát tâm Bồ-đề, như thế tâm Bồ-đề này ngay nơi một mà là ba, đều là việc được ở đây sử dụng, ngay nơi một mà nói ba, ngay nơi ba mà nói một...

*Phân biệt ba Bát-nhã:*

Hỏi: Bát-nhã rất quên duyên rất vắng lặng, làm sao phân biệt các pháp?

Đáp: Dùng trí Nhất thiết để quán, nhìn bằng mắt trí tuệ thì thấy các pháp đều chẳng phải pháp thật. Nếu dùng trí Đạo chủng để quán, thấy bằng mắt pháp thì thấy chẳng phải pháp đều là pháp. Dùng trí

Nhất thiết chủng mà quán, thấy bằng Mắt Phật thì thấy pháp chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp, đều soi chiếu pháp, chẳng phải pháp. Nếu ba trí, ba mắt quán sát cùng lúc, thì tướng vắng lặng của tất cả pháp, các thứ hành loại tướng mạo đều biết nắm bắt đầy đủ thành Bồ-đề, điều ông hỏi là chỗ thấy của mắt mờ, là sự quán sát nghiêng lệch, cho là thấy sai, đoạt thì rơi vào Ni-kiền.

*21. Dẫn các kinh để chứng minh:*

Nói về ba Phật tánh: Ngài Chân-đế nói: Chánh tánh ở Đạo tiền, liễu tánh ở Đạo trung, duyên tánh ở Đạo hậu, điều này chỉ nghe nói một lần, suy lý là không đúng. Kinh Hoa Nghiêm chép: Trong một có vô lượng. Kinh Đại phẩm chép: Một tâm có đủ muôn hạnh. Kinh Tịnh Danh chép: Giở chân lên, đặt chân xuống đều có Phật pháp. Kinh Pháp Hoa chép: Tất cả trí, nguyện vẫn còn không mất. Kinh Niết-bàn chép: Kho báu Kim cương đầy đủ không thiếu, nhưng có sự khác nhau giữa sâu, cạn, sáng tối.

Sơ lược về ba thức: Nếu phân biệt mà nói thì thuộc về ba người, đây là ý của “Biệt giáo”, chẳng được ở đây dùng. Nếu theo Nhiếp Luận thì như văn nói đất nhuộm vàng, chính là Viên Y, đất tức là A-đà-na, nhiễm tức là A-lại-da, vàng là Am-ma-la, đây là luận thuyết Viên mãn.

*22. Hỏi đáp về thức và trí:*

Hỏi: Như Kinh nói, nương theo Trí không nương theo Thức, nay nói Ba thức thì Ba thức này có nên nương theo hay không?

Đáp: Kinh nói không nương theo Thức là thức sinh tử, ở đây thì không phải thế. Nói nương theo Thức, thức đó là tên khác của Trí còn gọi là thức thanh tịnh. Lại, ở Đạo tiền gọi chung là thức, Đạo hậu chuyển y tức là trí tuệ chưa rõ ràng.

*23. Nói lược về ba đạo:*

Phân biệt về ba đạo:

Hỏi: Giới bên trong nói có mười hai luân chuyển, ba đường mê hoặc, giới bên ngoài nói như thế nào?

Đáp: Luận Thật Tánh chép: Sống ở giới bên ngoài có bốn thứ chướng, đó là: duyên, tướng, sinh, hoại; Duyên là vô minh, là tác duyên của Hành, là phiền não đạo; Tướng: tức là kết nghiệp, đó là nghiệp đạo; Sinh: tức là danh sắc... là bước đầu của khổ; Hoại là chỗ cuối cùng của cái khổ già chết, chính là khổ đạo. Có bốn chướng này chướng ngại bốn đức. Duyên làm chướng ngại sự thanh tịnh, Tướng làm chướng ngại ngã, Sinh làm chướng ngại lạc, Hoại làm chướng ngại thường, phá trừ bốn



chương được thì hiển bày bốn đức.

24. *Đặt tên theo văn kinh:*

**4. Nương văn kinh đặt tên:**

Trên đây nêu nhiều thí dụ để tìm nghĩa nên việc nương văn đặt tên rõ ràng dễ hiểu. Vì sao? Vì tìm nghĩa thì sơ xa, nương văn lại gần gũi. Lấy lòng mình mà suy lường cho nên nói là sơ, nghĩa kia so sánh theo đây, cho nên nói xa, Đức Phật dùng miệng vàng mà nói cho nên nói thân, tức văn kinh này, cho nên nói gần, chẳng lẽ bỏ gần mà tìm sơ xa sao? Bắt đầu từ phẩm Tựa, cuối cùng với phẩm Tán Phật, trong các phẩm đó, nếu không nói danh từ Kim Quang Minh thì nói việc Kim Quang Minh, hoặc một phẩm nói tên không nói việc, hoặc một phẩm nói việc không nói tên, hoặc một phẩm tên, việc, hoặc một phẩm nói cả tên, việc nói riêng, hoặc một phẩm đặt nặng về tên hay đặt nặng về sự, cho nên biết các phẩm chẳng không, các thiên đều có. Vì nghĩa này cho nên nương văn đặt tên.

Phẩm Tựa chép: Kim Quang Minh này đứng đầu các kinh. Mở đầu nêu danh càng được sử dụng, kế là phẩm Tuổi thọ, bốn Đức Phật đều nhóm họp ở thành Vương Xá, phát ra (ánh sáng) chiếu soi thành Vương xá và tam thiên đại thiên thế giới này, phát khởi việc ấy. Trong phẩm Sám Hối, tin tưởng mộng thấy trống vàng, hình dáng xinh đẹp, ánh sáng chiếu khắp suốt đêm, đến sáng bèn bạch lên Đức Phật. Trong phẩm Tán Thán, Kim Long Tôn Vương kính dâng trống vàng phát nguyện rộng lớn, nguyện rằng, trong tương lai đêm đêm tôi được mộng thấy nghe nói như ban ngày. Phẩm Không chép: cho nên tôn kinh này được nói sơ lược, tôn kinh là Kim Quang Minh. Trong phẩm Tứ Vương, sáu lượt hỏi đáp, trong mỗi câu hỏi chú trọng nói về danh từ ấy, trong mỗi câu đáp chú trọng nói về việc ấy.

Lại khi hai tay dâng lò hương, khói hương biến thành lọng hương, ánh sáng vàng chẳng những xông khắp đại thiên này, mà khắp cả các cõi Phật mười phương... từ Đại Biện công đức trở xuống là nêu danh nêu việc, so sánh rất nhiều. Như giấc mộng của Tín Tướng là việc của Kim Quang Minh ở hiện tại, Long tôn phát nguyện là việc của Kim Quang Minh ở quá khứ; Lọng hương khắp đủ là việc của Kim Quang Minh ở tương lai. Một bộ một tên, việc khắp mười tám phẩm, một chỗ khói xông thì mười phương chiếu sáng, không phải chỉ hiện tại mà phô bày khắp ba đời, hoặc danh hoặc sự ngang dọc, cao rộng, vô lượng sâu xa là như vậy. Nhưng không lấy đó để nêu danh tìm nghĩa, không có một lời thí dụ, không mà gượng dùng, có mà không theo, biết rõ ràng

không cần nói nhiều. Lại các kinh, so sánh nhiều luận thuyết như Đạo Cán, Phủ kha, Tượng bộ thành kinh... Việc ấy chỉ cho việc được nói, vẫn tức là Danh, lại như nói việc Đạo cán, việc Phủ kha, Tượng bộ... tức gọi là Đạo cán, Phủ kha, Tượng bộ kinh sự vậy.

25. *Đặt tên theo tự thể:*

**5. Ngày thể được tên:**

Có sư nói: Chân-đế không tên gọi, Thế đế có tên gọi, gởi danh danh ở vô danh, mượn tục mà nói chân. Thành luận chép: Đối với vô danh tướng mượn danh tướng để nói. Nay trái với nghĩa này, tục vốn vô danh, theo chân đặt tên. Vì sao như kiếp sơ rộng lớn muôn vật không có tên, bậc Thánh ngược lên thì pháp chân thật, cúi xuống thì đặt tên thế tục. Như lý năng thông, nương chân mà gọi tên, như lý tôn quý nương chân mà gọi là báu, như lý có công năng bao trùm, nương chân đặt tên là “võng”, như lý có công năng vượt lên, y theo chân đặt tên là “hương”.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chép: Cày ruộng chuyển cái cày, quần áo làm giếng, đều là do bậc Thánh làm ra.

**Đại kinh chép:** Thế đế chỉ có tên gọi không có thật nghĩa; nghĩa đế bậc nhất vừa có tên gọi vừa có thật nghĩa, y theo đây mà suy, Chân-đế có danh thì còn bị mê hoặc gì? Bốn y của Bồ-tát Long Thọ tùy theo nghĩa lý mà đặt tên. Nghĩa tức là “nghĩa bậc nhất”, lý là như lý.

**Kinh Tịnh danh chép:** Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp; Kinh, luận đều nói như thế đâu thể không tin. Ở đây nói pháp của pháp tánh, đáng tôn đáng quý, gọi pháp tánh là “Vàng”, pháp tánh này vắng lặng mà thường chiếu soi gọi là “Ánh sáng”, pháp tánh đại bi này được nhiều lợi ích gọi là “sáng”, tức là pháp môn “Kim Quang Minh”. Bồ-tát nhập pháp môn này, nên từ pháp đặt tên, tức là Bồ-tát Kim Quang Minh. Phật rất ráo pháp môn này nên có Kim Diễm Quang Minh Như lai, Kim bách Quang Minh chiếu tạng Như lai... Như thế vì sao gọi Thích-ca? Thích-ca ở đây có tên chung và riêng, từ chung nên gọi là Kim Quang Minh, từ riêng thì nói là Thích-ca cho nên phẩm Tán Phật chép: “Thân Như lai sắc vàng mầu nhiệm, “sáng” kia chiếu sáng gọi là “Ánh sáng”, đây là khen ngợi thể Phật pháp, chẳng phải khen ngợi vàng ở thế gian. Phải biết tánh Phật pháp là vàng, chẳng giống như vàng thế gian.

Phẩm Ba Thân chép: đồng thể với các Đức Phật, đồng ý với các Đức Phật, đồng sự với các Đức Phật, cùng các Đức Phật đồng thể, ấy là đồng pháp tánh vàng. Đồng ý: là đồng pháp tánh Quang. Đồng sự: là đồng pháp tánh Minh. Vì thế, Hoa Nghiêm chép: Tất cả các Đức Như lai

cùng chung một pháp thân, một thân một trí tuệ, lực vô úy cũng giống như vậy. Một thân tức là đồng với “Vàng”, trí tuệ tức là đồng với “Ánh sáng”, lực vô úy tức là đồng với “sáng suốt”, trong một pháp thể có đủ ba nghĩa. Cho nên Thọ Thần nói: Vô lượng đại bi nói ra kinh điển quý báu như vậy, đương thể đều là chất báu nhiệm mầu, chất báu này đầy đủ “Quang, Minh”, không thể dùng vàng thế gian mà dụ với pháp.

